

Phụ lục:
THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)
từ ngày 21/01 - 20/02/2024
(Kèm theo công văn số: /SPS-BNNVN, ngày tháng 3/2024)

1. Danh sách thông báo dự thảo lấy ý kiến

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Tóm tắt nội dung
1	G/SPS/N/SAU/528	TY	Ả Rập Xê-út	20/02/2024	Tiêu chuẩn chăn nuôi - Thực hành nông nghiệp tốt của Ả Rập Xê-út	Giấy chứng nhận được cấp cho các công ty hoặc trang trại xuất khẩu sản phẩm gia cầm sang Vương quốc Ả Rập Xê-út với mục đích đảm bảo rằng các sản phẩm của các công ty này (gà nguyên con, ức gà, đùi không da rút xương, cánh gà, đùi gà, chân gà nguyên con) phù hợp với tiêu chuẩn Saud GAP. Những tiêu chuẩn này bao gồm tất cả các hệ thống sản xuất và chăn nuôi gia cầm.
2	G/SPS/N/USA/3444	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	19/02/2024	Biên nhận Đơn thỉnh cầu về thuốc BVTV được nộp về dư lượng hóa chất thuốc BVTV trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau. Thông báo về việc nộp đơn kiến nghị và yêu cầu lấy ý kiến	Văn bản này thông báo việc Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ đã nhận được hồ sơ ban đầu về kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau.
3	G/SPS/N/TUR/140 /Add.1	BVT	Thổ Nhĩ Kỳ	19/02/2024	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật có thể xác minh bằng mã QR	Để ngăn chặn việc Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (PC) giả hoặc PC để tái xuất khẩu được sử dụng trong xuất khẩu thực vật, sản phẩm thực vật và các chất khác, việc triển khai "Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật có thể xác minh bằng mã QR" đã dần được áp dụng. Thay đổi này được công bố vào ngày 26 tháng 01 năm 2024 với ký hiệu G/SPS/N/TUR/140.

4	G/SPS/N/USA/3443	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	16/02/2024	Phục hồi dung sai thuốc trừ BVTV clopyrifos; Quy tắc cuối cùng	Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) của Hoa Kỳ đang sửa đổi các quy định để phản ánh tình trạng pháp lý hiện tại của dung sai đối với hoạt chất chlorpyrifos.
5	G/SPS/N/EU/718	CN, TY	Liên minh châu Âu	16/02/2024	Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2024/285 ngày 17 tháng 01 năm 2024 liên quan đến việc cấp phép sử dụng hương vị từ rễ taiga từ <i>Eleutherococcus Senticosus</i> (Rupr. & Maxim.) Maxim làm phụ gia thức ăn cho chó, mèo và ngựa.	Chất được quy định trong đạo luật đã được cấp phép làm phụ gia thức ăn chăn nuôi trong nhóm chức năng 'hợp chất tạo hương vị'. Đơn đăng ký đã được nộp để cấp phép lại chất này theo điều 10 của quy định (EC) số 1831/2003. Ngoài đánh giá tích cực của cơ quan an toàn thực phẩm châu Âu, chất này được cấp phép lại làm phụ gia thức ăn cho chó, mèo và ngựa trong một số điều kiện nhất định. Một giai đoạn chuyển tiếp được đưa vào để các bên quan tâm đáp ứng các yêu cầu của giấy phép mới.
6	G/SPS/N/MYS/59	CN, TY	Malaysia	14/02/2024	Sửa đổi mẫu đơn xin nhập khẩu thức ăn chăn nuôi vào Malaysia (Thức ăn cho vật nuôi/Thức ăn chăn nuôi/Phụ gia thức ăn chăn nuôi có chứa nguyên liệu thô từ động vật)	Đề xuất sửa đổi mẫu đơn xin nhập khẩu thức ăn chăn nuôi vào Malaysia (Thức ăn cho vật nuôi/Thức ăn chăn nuôi/Phụ gia thức ăn chăn nuôi có chứa nguyên liệu thô từ động vật) là bao gồm yêu cầu mới về việc xác minh mẫu của Cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Điều quan trọng là phải đảm bảo thông tin cung cấp trong mẫu đơn đã được Cơ quan thú y có thẩm quyền giám sát hoạt động của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi nói trên xác minh là đúng sự thật.
7	G/SPS/N/EU/717	TY	Liên minh châu Âu	14/02/2024	Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2024/351 ngày 17 tháng 1 năm 2024 sửa đổi quy định thực hiện (EU) 2021/403 liên quan đến mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật, mẫu sức khỏe động vật/chứng nhận chính thức, tờ khai mẫu và tờ khai chính thức mẫu để nhập vào liên minh EU các lô hàng của một số loại động vật trên cạn và các sản phẩm mầm của chúng (OJ L 2024/351, ngày 9 tháng 2 năm 2024).	Quy định này sửa đổi các giấy chứng nhận mẫu và các công bố mẫu để nhập vào Liên minh EU các lô hàng của một số loại sản phẩm động vật và mầm bệnh trên cạn nhằm phản ánh các yêu cầu mới về sức khỏe động vật của EU, cập nhật các tài liệu tham khảo về luật mới của EU về các yêu cầu về dư lượng của động vật để vào Liên minh EU, làm rõ và thống nhất cách diễn đạt các yêu cầu, ghi chú và chú thích.
8	G/SPS/N/CHE/87 /Add.4	CN, TY	Thụy Sĩ	14/02/2024	Sửa đổi phụ lục 2 của pháp lệnh ngày 26 tháng 10 năm 2011 về sản xuất và tiếp thị thức ăn chăn nuôi, phụ gia	Bản sửa đổi bao gồm 49 lần gia hạn ủy quyền đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi, 8 lần cấp phép mới, 12 lần rút lại và 6 lần sửa đổi ủy quyền.

					thức ăn chăn nuôi và thức ăn ăn kiêng (FADO)	
9	G/SPS/N/USA/3442	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	12/02/2024	Dung sai thuốc BVTV có hoạt chất Saflufenacil; Quy tắc cuối cùng	Quy định này thiết lập mức cho phép đối với mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất saflufenacil trong hoặc trên một số sản phẩm; và sửa đổi định nghĩa hàng hóa hiện có đối với nhóm cây trồng 16 thành nhóm cây trồng 16-22.
10	G/SPS/N/USA/3441	ATTP, BVTV	Hoa Kỳ	12/02/2024	Dung sai thuốc trừ BVTV có hoạt chất linuron; Quy tắc cuối cùng	Quy định này thiết lập mức dung sai đối với mức dư lượng tối đa cho phép (MRL) đối với hoạt chất linuron trong hoặc trên cỏ linh lăng, thức ăn thô xanh và cỏ linh lăng, cỏ khô.
11	G/SPS/N/TUR/65 /Add.3	ATTP, TY	Thổ Nhĩ Kỳ	12/02/2024	Quy định Codex thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ sửa đổi Quy định về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các hoạt chất được lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật	<p>"Quy định Codex thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ về phân loại và giới hạn mức dư lượng tối đa của các hoạt chất được lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật" đã được thông báo tại thông báo số G/SPS/N/TUR/65/Add.1 ngày 23/01/ 2017.</p> <p>"Quy định Codex thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ sửa đổi Quy định về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các hoạt chất được lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật" đã được thông báo tại thông báo số G/SPS/N/TUR/103 ngày 11/ 9/ 2018.</p> <p>"Quy định Codex thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ sửa đổi Quy định về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các hoạt chất được lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật" đã được thông báo tại thông báo số G/SPS/N/TUR/65/Add.2 ngày 18/4/ 2023.</p> <p>Một sửa đổi đã được đề xuất thông qua "Quy định Codex thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ sửa đổi Quy định về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các hoạt chất được lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật". Những thay đổi đã được thực hiện liên quan đến điều kiện sử dụng và giới hạn dư lượng tối đa của các hoạt chất sau: Toltrazuril, Prazikuantel, Ketoprofen và Rafoksanid.</p> <p>Quy định này dự kiến sẽ có hiệu lực từ ngày 01/8/2024.</p>
12	G/SPS/N/GBR/50 /Add.1	BVTV	Vương quốc Anh	12/02/2024	Sửa đổi đối với Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/2072	G/SPS/N/GBR/50 ngày 21 tháng 12 năm 2023 đã thông báo các sửa đổi theo kế hoạch đối với Luật giữ nguyên của Anh, Scotland và xứ Wales (Anh) (Quy định thực hiện của Ủy ban (EU)2019/2072). Liên quan đến việc bổ sung hạt giống <i>Solanum sisymbriifolium</i> làm vật chủ mới được biết đến đối với loài gây hại không kiểm dịch (RNQP) hiện có Potato spindle tuber viroid

						(PSTVd), chúng tôi muốn làm rõ rằng hạt giống <i>Solanum sisymbriifolium</i> sẽ được yêu cầu thử nghiệm chính thức để chứng nhận không có dịch hại. Ngoài ra, hạt giống của tất cả các loài <i>Solanum</i> sẽ được yêu cầu có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và các biện pháp kiểm tra bổ sung (tuy nhiên, nếu các biện pháp kiểm tra bổ sung đã được áp dụng thì không cần kiểm tra thêm). Bản sửa đổi này sẽ có hiệu lực từ ngày 09/11/2024. Việc bổ sung <i>Agrilus mali</i> , <i>Lonsdalea populi</i> và <i>Orgyia leucostigma</i> là đối tượng kiểm dịch tạm thời sẽ có hiệu lực từ ngày 09/11/2024.
13	G/SPS/N/GBR/30/ Add.4	BVTV	Vương quốc Anh	12/02/2024	Mô hình hoạt động mục tiêu biên giới Vương quốc Anh – Thực vật, sản phẩm thực vật và các đối tượng khác	G/SPS/N/GBR/30/Add.3 ngày 16/11/2023 cung cấp thêm thông tin chi tiết về việc giới thiệu việc nhận dạng tài liệu và dựa trên rủi ro cũng như kiểm tra thực tế đối với thực vật và sản phẩm thực vật có rủi ro trung bình từ Liên minh Châu Âu, Liechtenstein và Thụy Sĩ. Xác định việc kiểm tra trái cây và rau quả từ Liên minh Châu Âu, Liechtenstein và Thụy Sĩ sẽ không bắt đầu vào tháng 4/2024, thời gian áp dụng sẽ thông báo sau.
14	G/SPS/N/CHN/1298	ATTP, CT	Trung Hoa	12/02/2024	Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của CHND Trung Hoa: Chất tăng cường dinh dưỡng thực phẩm vitamin K2 (phương pháp tổng hợp)	Tiêu chuẩn này áp dụng cho thực phẩm tăng cường dinh dưỡng vitamin K2 được điều chế bằng phương pháp tổng hợp hóa học từ vitamin K3 và rượu heptaenorpene hoặc từ vitamin K3, farnicol và geraniol làm nguyên liệu.
15	G/SPS/N/CHN/1297	ATTP	Trung Hoa	12/02/2024	Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của CHND Trung Hoa: Quy tắc chung về Thực phẩm dành cho Mục đích Y tế Đặc biệt	Tiêu chuẩn này quy định các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan của thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt. Tiêu chuẩn này áp dụng cho các thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt dành cho người trên 1 tuổi.
16	G/SPS/N/CHN/1296	ATTP	Trung Hoa	12/02/2024	Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của CHND Trung Hoa: Thực phẩm bổ sung đầy đủ	Tiêu chuẩn này áp dụng đối với thức ăn bổ sung dùng cho trẻ từ 6 tháng đến 36 tháng và trẻ từ 37 tháng đến 72 tháng.
17	G/SPS/N/CHN/1295	ATTP, BVTV, CLCB, CT, TY	Trung Hoa	09/02/2024	Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của CHND Trung Hoa: Nguyên tắc chung về Ghi nhãn Thực phẩm đóng gói sẵn	Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu ghi nhãn thực phẩm đối với thực phẩm đóng gói sẵn.
18	G/SPS/N/BRA/2161/ Add.2	BVTV	Bra-xin	09/02/2024	Thiết lập các yêu cầu vệ sinh thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân	Thay đổi điều 9 của Pháp lệnh SDA/MAPA số 948 ngày 20/11/2023.

					giống cây lan hồ điệp (<i>Phalaenopsis</i> spp.) từ bất kỳ nguồn gốc nào	Phụ lục này liên quan đến: Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi của dự thảo quy định đã được thông báo trước đó
19	G/SPS/N/BRA/2252	ATTP, BVTV	Bra-xin	08/02/2024	Dự thảo Nghị quyết 1228, 18/01/2024.	Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất C88 - cyclobutrifluram vào Danh sách chuyên khảo về các hoạt chất thuốc BVTV, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin
20	G/SPS/N/BRA/2251	ATTP	Bra-xin	08/02/2024	Dự thảo Nghị quyết 1229, ngày 22/01/2024.	Dự thảo nghị quyết này quy định chức năng công nghệ, giới hạn và điều kiện sử dụng tối đa đối với phụ gia thực phẩm và phương tiện hỗ trợ công nghệ được phép sử dụng trong thực phẩm.
21	G/SPS/N/BRA/2250	ATTP, BVTV	Bra-xin	08/02/2024	Dự thảo nghị quyết này quy định chức năng công nghệ, giới hạn và điều kiện sử dụng tối đa đối với phụ gia thực phẩm và phương tiện hỗ trợ công nghệ được phép sử dụng trong thực phẩm số 1232, ngày 02/02/2024	Dự thảo nghị quyết này đề xuất cập nhật các hoạt chất A02 - Acephate, A12 - Asulam, A26 - Azoxystrobin, A29 - Acetamiprid, A54 - Azadirachtin, B26 - Bifentrin, B39 - Benzyladenine, B41 - Boscalid, B68 - Bixlozone, C10 - Cypermethrin, C35 - Chlomezone, C36 - Cyproconazol, C63 - Lambda-cyhalothrin, D25 - Diuron, D55 - Dinotefuran, F68 - Fluxapyroxad, G01 - Glyphosate, H02 - Hexazinone, I32 - Isocycloseram, M02 - Mancozeb, M31 - Metalaxyl-M, M38 - Milbemectin, P05 - Pendimethalin, P13 - Profenofos, P61 - Pyroxasulfone, S13 - S-Metolachlor và T24 - Triflural trong Danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất của thuốc BVTV, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin.
22	G/SPS/N/BRA/2249	ATTP, BVTV	Bra-xin	08/02/2024	Dự thảo Nghị quyết 1225, ngày 21/12/2023	Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa các thành phần hoạt chất sau vào Danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc BVTV, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin: A29 - Acetamiprid, B26 - Bifentrin, C02 - Captane, C58 - Alpha-Cypermethrin, C63 - Lambda-Cyhalothrin, D55 - Dinotefuran, I13 - Imidacloprid, M40 - Mesotrione, M52 - Mefentrifluconazole, P34 - Pyriproxifem, P45 - Pac Lobutrazole, P46 - Pyraclostrobin, P53 - Prothioconazole, P65 - Pdiflumetofem, P71 - Pyryophenone, S09 - Sulfentrazone, S17 - Sophora Flavescens, T14 - Methyl Thiophanate và T34 - Triflumuron

23	G/SPS/N/BRA/2248	BVTV	Bra-xin	08/02/2024	Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu <i>Hydrangea</i> spp. vật liệu nhân giống từ bất kỳ nguồn gốc nào	Tham vấn cộng đồng về các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống (Loại 4) của <i>Hydrangea</i> spp. từ bất kỳ nguồn gốc nào.
24	G/SPS/N/NZL/762	BVTV	Niu Di-lân	07/02/2024	Tiêu chuẩn Bộ cánh ngành Công nghiệp Cơ bản 155.02.06 : Nhập khẩu đàn giống	Bộ Công nghiệp Cơ bản Niu Di-lân đang thực hiện các biện pháp khẩn cấp đối với <i>Ralstonia pseudosolanacearum</i> trên toàn bộ cây Zingiber (bao gồm cả cành giâm đã ra rễ), củ gừng (bao gồm cả thân rễ) và cây trong ống nghiệm. Các biện pháp khẩn cấp là xét nghiệm PCR, xử lý nước thải và kiểm tra mùa trồng trọt ở khu vực kiểm dịch sau nhập cảnh cấp độ 2.
25	G/SPS/N/EU/716	CN, TY	Liên minh châu Âu	06/02/2024	Dự thảo Ủy ban Thực hiện Quy định rút khỏi thị trường terpen (một nhóm chất hữu cơ/tinh dầu) hoa hồi từ <i>Illicium verum</i> Hook.f . như một chất phụ gia	Dự thảo đạo luật liên quan đến việc rút các terpen (một nhóm chất hữu cơ/tinh dầu) hoa hồi từ <i>Illicium verum</i> Hook.f khỏi thị trường EU. như một chất phụ gia thức ăn thuộc nhóm chức năng của 'hợp chất hương liệu'. Chất phụ gia đó đã được phép lưu hành trên thị trường EU theo luật trước đây (Chi thị 70/524/EEC), như một phần của mục nhập chung trong nhóm 'các chất tạo hương vị và ngon miệng' và là đối tượng của đơn xin cấp phép lại được nộp theo Điều 10(2) của Quy định (EC) số 1831/2003. Ngày 26/9/2023, Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu ('EFSA') đã kết luận rằng chất phụ gia terpen chứa tới 25% estragole theo thông số kỹ thuật và thu được từ một quy trình sản xuất giúp làm giàu chất gây ung thư gây độc cho gen này. EFSA tuyên bố thêm rằng điều này không tuân thủ các nguyên tắc được nêu trong phương pháp chung để đánh giá sự an toàn đối với các loài của chế phẩm thực vật có chứa các hợp chất gây độc gen và/hoặc gây ung thư khi được sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi. Do đó, EFSA cho rằng việc thực hiện đánh giá về tính an toàn và hiệu quả của terpen hoa hồi khi sử dụng làm phụ gia thức ăn là không phù hợp. Người nộp đơn sau đó đã rút đơn xin cấp phép lại loại phụ gia thức ăn chăn nuôi đó cho tất cả các loài động vật. Do việc rút đơn đăng ký, Điều 10(5) của Quy định (EC) số 1831/2003 áp đặt việc áp dụng biện pháp yêu cầu rút khỏi thị trường chất phụ gia liên quan. Đề xuất cung cấp một khoảng thời gian giới hạn – được giữ ở mức tối thiểu do những lo ngại về

						an toàn được nêu ra trong quan điểm liên quan của EFSA – để cho phép các nhà khai thác tuân thủ đúng biện pháp.
26	G/SPS/N/BRA/2247	ATTP, BVTV	Bra-xin	06/02/2024	Dự thảo Nghị quyết 1231, ngày 01/02/2024	Dự thảo nghị quyết này đề xuất loại trừ hoạt chất S07 - Sulfluramide khỏi Danh sách chuyên khảo về hoạt chất của thuốc BVTV, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin
27	G/SPS/N/BRA/2246	ATTP, BVTV	Bra-xin	06/02/2024	Dự thảo Nghị quyết 1230, ngày 01/02/2024	Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất C89 - cinnemethyline vào Danh sách chuyên khảo về hoạt chất của thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19/10/2021 trên Công báo Bra-xin
28	G/SPS/N/TZA/335	BVTV	Tanzania	05/02/2024	AFDC 26 (1844) DTZS, Rau diếp và rau diếp xoắn – Thông số kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với: i) cây lá rộng (Batavian) Diếp quăn endive (escaroles) của giống <i>Cichorium endivia</i> var. <i>latifolium</i> Lam; ii) rau diếp quăn của giống <i>Cichorium endivia</i> var. <i>crispum</i> Lam ; và iii) các loại rau diếp khác; <i>Lactuca sativa</i> var. <i>capitata</i> L. (rau diếp đầu bao gồm rau diếp đầu giòn và rau diếp loại "Iceberg"), <i>Lactuca sativa</i> var. <i>longifolia</i> Lam. (rau diếp cos hoặc romaine), <i>Lactuca sativa</i> var. <i>Crispa</i> L. (rau diếp lá) và các giống lai của những giống này sẽ được cung cấp tươi cho người tiêu dùng sau khi sơ chế và đóng gói. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho sản phẩm chế biến công nghiệp, sản phẩm ở dạng lá riêng lẻ, rau diếp có củ hoặc rau diếp trồng trong chậu.
29	G/SPS/N/TZA/334	BVTV	Tanzania, United Republic of	05/02/2024	AFDC 26 (2447) DTZS, chuối nẫu - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm chế biến chuối trồng từ loài <i>Musa</i> spp. và họ Musaceae được cung cấp ở dạng thô cho người tiêu dùng sau khi sơ chế và đóng gói. Loại trừ chuối nẫu để chế biến công nghiệp.
30	G/SPS/N/LAO/5	Cites	Lào	05/02/2024	Yêu cầu về chứng nhận nước xuất xứ - Nhập khẩu thực vật hoang dã loại II và III của CITES	Giấy phép nhập khẩu là bắt buộc phải có, chẳng hạn như chứng nhận CITES MA, do cơ quan quản lý của nước xuất khẩu cấp trước khi hoạt động buôn bán diễn ra để đảm bảo rằng các mẫu vật động vật và thực vật hoang dã không đe dọa đến sự tồn tại của các loài có trong Phụ lục I, II, và III theo Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng (CITES).

31	G/SPS/N/LAO/4	BVTV, TY, Cites	Lào	05/02/2024	Quyết định về việc thành lập và quản lý vườn thú, trang trại động vật hoang dã, trung tâm phục hồi, chăn nuôi và trồng rừng số 0188/MAF, ngày 3 tháng 2 năm 2019 Luật Động vật hoang dã và Tài nguyên thủy sản số 07/NA, ngày 24 tháng 12 năm 2007	Việc nhập khẩu các sản phẩm đó phải có giấy chứng nhận từ nước xuất xứ, chẳng hạn như giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy chứng nhận không có bệnh và giấy phép nhập khẩu từ tổ chức CITES của nước xuất xứ.
32	G/SPS/N/CAN/1545	BVTV	Canada	05/02/2024	Triển khai tiêu chuẩn tạm thời về các chất per- và polyfluoroalkyl đối với chất rắn sinh học đô thị được nhập khẩu hoặc bán ở Canada dưới dạng phân bón	Tiêu chuẩn tạm thời cho PFAS trong chất rắn sinh học dựa trên nồng độ perfluorooctane sulfonate (PFOS) được sử dụng làm chất chỉ thị không thể vượt quá 50 ppb (phần tỷ) của sản phẩm cuối cùng trên mỗi kg trọng lượng khô. Việc tuân thủ giới hạn sẽ được xác minh khi nhập khẩu và thông qua kiểm tra trong nước thông qua giấy chứng nhận phân tích (CoA) do nhà nhập khẩu tạo ra bằng phương pháp tiêu chuẩn để thử nghiệm và phòng thí nghiệm được công nhận. CoA sẽ phải kèm theo bằng chứng xác nhận tính hợp lệ của nó (mẫu sẽ do CFIA cung cấp). Tiêu chuẩn tạm thời cho PFAS là một phần trong bộ biện pháp của GoC nhằm giảm sự tiếp xúc của con người và môi trường với PFAS là những chất ô nhiễm hữu cơ độc hại và khó phân hủy. Tiêu chuẩn của CFIA đối với chất rắn sinh học đô thị tập trung vào giai đoạn cuối của vòng đời sản phẩm, cụ thể là xử lý chất thải công nghiệp và rác thải sinh hoạt. Nó sẽ cấm nhập khẩu các chất rắn sinh học bị ô nhiễm nặng, do đó giảm thiểu rủi ro đối với cây trồng nông nghiệp, sức khỏe và năng suất của đất, thực vật, động vật và chuỗi cung ứng thực phẩm.
33	G/SPS/N/BDI/93 G/SPS/N/KEN/268 G/SPS/N/RWA/86 G/SPS/N/TZA/333 G/SPS/N/UGA/318	CT	Burundi	05/02/2024	DEAS 1198: 2024, Túi nicotin — Thông số kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp thử và lấy mẫu đối với các túi nicotin được chia sẵn dành riêng cho sử dụng qua đường miệng bằng cách đặt chúng giữa nướu và niêm mạc miệng trong một khoảng thời gian, để tạo điều kiện cho nicotin hấp thu qua niêm mạc miệng, sau đó bằng cách vứt bỏ túi sau khi sử dụng. Lưu ý: điều này bao gồm các sản phẩm như sản phẩm nicotine dạng túi màu trắng được sử dụng bằng cách đặt chúng dưới môi trên trong một khoảng thời gian trước khi thải bỏ Dự thảo tiêu chuẩn Đông Phi này không bao gồm:

						<p>1. Túi nicotin uống không chứa thuốc lá được chia sẵn, trong đó nicotin không có nguồn gốc tự nhiên;</p> <p>2. Các sản phẩm thuốc lá không khói, chẳng hạn như thuốc lá hít ẩm, thuốc lá dạng túi ngậm, thuốc hít, thuốc hít mũi, thuốc lá nhai hoặc bất kỳ sản phẩm thuốc lá không khói nào có chứa thuốc lá;</p> <p>3. Các sản phẩm uống có chứa nicotine, không có thuốc lá là các sản phẩm thuốc chứa nicotine được cấp phép, chẳng hạn như liệu pháp thay thế nicotin (NRT);</p> <p>4. Các sản phẩm phải tuân theo yêu cầu cấp phép theo Chỉ thị 2001/83/EC (Bộ luật Cộng đồng liên quan đến các sản phẩm thuốc dùng cho người) hoặc theo các yêu cầu được nêu trong Chỉ thị 93/42/EEC (Chỉ thị về Thiết bị Y tế);</p> <p>5. Hoặc các sản phẩm chứa nicotine dạng hít, chẳng hạn như thuốc lá điếu, các sản phẩm thuốc lá đốt khác, các sản phẩm làm nóng thuốc lá hoặc thuốc lá điện tử;</p> <p>Phương pháp đánh giá rủi ro sức khỏe hoặc nguy cơ sức khỏe tiềm ẩn được giảm thiểu của các túi nicotin không thuốc lá uống qua đường miệng.</p>
34	G/SPS/N/BDI/91 G/SPS/N/KEN/266 G/SPS/N/RWA/84 G/SPS/N/TZA/331 G/SPS/N/UGA/316	CT	Burundi	05/02/2024	DEAS 1195: 2024, Thuốc lá sợi tẩu (Cuộn của riêng bạn) — Thông số kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp thử nghiệm và lấy mẫu đối với Thuốc lá sợi tẩu bao gồm thuốc lá cuộn (RYO) và thuốc lá tự làm (MYO). Tiêu chuẩn này không bao gồm thuốc lá chưa qua chế biến
35	G/SPS/N/BDI/92 G/SPS/N/KEN/267 G/SPS/N/RWA/85 G/SPS/N/TZA/332 G/SPS/N/UGA/317	CT	Burundi	05/02/2024	DEAS 1194: 2024, Xi gà — Thông số kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp thử và lấy mẫu xi gà.
36	G/SPS/N/BDI/90, G/SPS/N/KEN/265 G/SPS/N/RWA/83, G/SPS/N/TZA/330 G/SPS/N/UGA/315	CT	Burundi	05/02/2024	DEAS 1197:2024, Thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá — Yêu cầu chung về đóng gói và ghi nhãn, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu chung về đóng gói và dán nhãn thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá.

37	G/SPS/N/UKR/218	ATTP	Ucraina	02/02/2024	<p>Dự thảo Luật Ucraina "Về sửa đổi một số luật của Ucraina về cải thiện quy định sản xuất và lưu hành thực phẩm bổ sung"</p>	<p>Dự thảo Luật Ucraina "Sửa đổi một số luật của Ucraina về thay đổi quy định sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung" nhằm mục đích cải thiện quy định sản xuất và lưu thông thực phẩm bổ sung trên thị trường Ucraina và sự kiểm soát của nhà nước đối với việc lưu hành chúng, xem xét các yêu cầu của pháp luật EU.</p> <p>Dự thảo Luật đưa ra quy trình gửi thông báo về việc lưu hành thực phẩm bổ sung, duy trì danh sách các thông báo đó và được công khai trên trang web chính thức của cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, dự thảo Luật trao quyền cho cơ quan điều hành trung ương chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe của nhà nước phê duyệt danh sách nêu rõ các chất dinh dưỡng được phép sử dụng, các chất khác và mức dư lượng tối đa của chúng để sử dụng trong thực phẩm bổ sung cũng như các chất bị cấm sử dụng trong chế độ ăn kiêng, chất bổ sung. Dự thảo Luật cũng nhằm tăng cường trách nhiệm đối với việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng không đáp ứng yêu cầu của pháp luật.</p> <p>Dự thảo Luật yêu cầu các nhà điều hành thị trường phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trong vòng sáu tháng kể từ ngày có hiệu lực về ý định lưu hành các loại thực phẩm bổ sung đã được bán trên thị trường ở Ucraina trước khi Luật này có hiệu lực và dự kiến sẽ được bán trên thị trường sau khi Luật này có hiệu lực. Dự thảo Luật quy định thực phẩm bổ sung đáp ứng yêu cầu của pháp luật về an toàn và một số chỉ tiêu về chất lượng thực phẩm có hiệu lực trước khi Luật này có hiệu lực nhưng không đáp ứng yêu cầu của Luật này thì có thể được lưu hành cho đến ngày hết hạn sử dụng, thời hạn sử dụng tối thiểu hoặc ngày "sử dụng trước..." được chỉ định.</p>
38	G/SPS/N/COL/330 /Add.1	BVTV	Colombia	02/02/2024	<p>"Thiết lập các yêu cầu về đăng ký và kiểm soát các nhà sản xuất, nhà pha chế, nhà đóng gói, nhà nhập khẩu và phân phối phân bón, chất điều hòa đất và các sản phẩm liên quan dùng trong nông nghiệp và làm vườn, cũng như việc đăng ký các sản phẩm này"</p>	<p>ĐIỀU 1 - MỤC ĐÍCH: Thiết lập các yêu cầu đối với việc đăng ký đối với nhà sản xuất, nhà pha chế, nhà đóng gói, nhà nhập khẩu và phân phối phân bón, chất điều hòa đất và các sản phẩm liên quan dùng cho nông nghiệp và làm vườn, cũng như việc đăng ký các sản phẩm này.</p> <p>ĐIỀU 2 - PHẠM VI: Các quy định trong Nghị quyết này sẽ áp dụng đối với mọi pháp nhân sản xuất, điều chế, đóng gói, nhập khẩu</p>

						<p>và/hoặc phân phối phân bón, chất điều hòa đất và các sản phẩm liên quan dùng cho nông nghiệp và làm vườn trên lãnh thổ quốc gia.</p> <p>ĐIỀU BỔ SUNG: Các quy định của Nghị quyết này không áp dụng đối với hoạt động chế biến sinh học hoặc việc đăng ký hoạt động đó.</p>
39	G/SPS/N/CAN/1544	ATTP	Canada	02/02/2024	Thông báo về ý định bãi bỏ 16 giấy phép tiếp thị liên quan đến thực phẩm.	<p>Đề xuất bãi bỏ một số Giấy phép Tiếp thị nhất định được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm và Dược phẩm sẽ bãi bỏ 16 giấy phép tiếp thị thực phẩm; 15 trong số đó liên quan đến phụ gia thực phẩm được phép và một liên quan đến việc tăng cường vitamin D cho sữa, sữa dê và bơ thực vật.</p>
40	G/SPS/N/THA/709	TY	Thái Lan	01/02/2024	Lệnh DLD về tạm dừng nhập khẩu, quá cảnh lợn nuôi, lợn rừng và sản phẩm của chúng từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của dịch tả lợn châu Phi	<p>Theo thông báo của Công báo Chính phủ ngày 02/10/2023, lệnh đình chỉ nhập khẩu hoặc quá cảnh lợn nuôi, lợn rừng sống và xác của chúng từ Việt Nam đã hết hạn vào ngày 01/01/2024. Tuy nhiên, WOAHA đã báo cáo rằng dịch bệnh vẫn tiếp tục bùng phát dịch tả lợn châu Phi trên địa bàn Việt Nam. Vì vậy, Thái Lan cần ngăn chặn sự xâm nhập của dịch tả lợn châu Phi vào nước này. Theo Đạo luật dịch bệnh động vật BE 2558 (2015), việc nhập khẩu hoặc quá cảnh lợn nuôi, lợn rừng sống và sản phẩm của chúng từ Việt Nam tạm thời bị đình chỉ trong thời gian 90 ngày kể từ ngày đăng trên Công báo Hoàng gia Thái Lan.</p>
41	G/SPS/N/JPN/1257	CN, TY	Nhật Bản	01/02/2024	Sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của Phytase .	<p>MAFF sẽ bổ sung các tiêu chuẩn, quy cách của Phytase vào “Pháp lệnh Bộ trưởng về Quy cách, Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi” (Pháp lệnh số 35 ngày 24/7/1976 của Bộ Nông Lâm)</p>
42	G/SPS/N/EU/715	ATTP, BVTV, TY	Liên minh châu Âu	01/02/2024	Dự thảo sửa đổi Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với napropamide, pyridaben và tebufenpyrad trong hoặc trên một số sản phẩm	<p>Dự thảo Quy định được đề xuất liên quan đến việc xem xét và cập nhật các MRL hiện có đối với napropamide, pyridaben và tebufenpyrad trong một số sản phẩm thực phẩm sau khi đánh giá và/hoặc thiếu dữ liệu xác nhận.</p>
43	G/SPS/N/SGP/85	ATTP	Singapore	31/01/2024	Dự thảo Quy định Thực phẩm (Sửa đổi) 2024	<p>SFA đã hoàn thành việc xem xét các Quy định Thực phẩm và đề xuất các sửa đổi tạo thuận lợi thương mại, cụ thể:</p> <p>a. Thay đổi về các dạng steviol glycoside được phép:</p>

						<ul style="list-style-type: none"> - Thay thế các dạng steviol glycoside được phép liệt kê trong Quy định 18(1) bằng bốn loại steviol glycoside được sản xuất bằng các phương pháp sản xuất khác nhau để phù hợp với Codex; - Cho phép sử dụng các steviol glycoside từ enzyme được sản xuất bằng enzyme uridine triphosphate (UTP)-glucose-1-phosphate uridylyltransferase (EC 2.7.7.9) từ vi khuẩn <i>Bifidobacteria bifidum</i>; b. Những thay đổi trong việc sử dụng các chất phụ gia thực phẩm được phép: <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng việc sử dụng L-theanine, một chất tăng hương vị được phép liệt kê trong Quy định 23(2), đối với các chất thay thế muối, lên đến mức tối đa là 15.000 ppm; - Mở rộng việc sử dụng sucralose, một chất làm ngọt được cho phép, đối với "đồ uống làm từ đậu nành" được liệt kê trong Danh mục thứ mười ba, lên đến mức tối đa là 400 ppm; c. Những thay đổi về thành phần được phép trong sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh: <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép bổ sung các thành phần mới vào sữa bột dành cho trẻ sơ sinh (Quy định 252(6)), cụ thể là muối natri của 3'-sialyllactose (3'-SL), muối natri của 6'-sialyllactose (6'-SL) và 3-fucosyllactose (3-FL), đến mức tối đa cụ thể; - Tăng mức tối đa cho phép của 2'-fucosyllactose (2'-FL) và Lactose-Ntetraose (LNT) trong sữa bột dành cho trẻ sơ sinh (Quy định 252(6)).
44	G/SPS/N/NZL/761	BVTV	Niu Di-lân	31/01/2024	Nhập khẩu cây giống (155.02.06) - Các biện pháp đề xuất để quản lý phytoplasmas trên cây giống	<p>Bộ các ngành Công nghiệp Cơ bản Niu Di-lân đang đề xuất những thay đổi sau đây đối với tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cây giống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung các biện pháp kiểm dịch thực vật để quản lý phytoplasma trên 43 vật chủ cây cảnh mới. Các biện pháp được xác định bằng cách sử dụng một phương pháp tiếp cận mới có tính đến lịch sử thương mại của tất cả các nước xuất khẩu; - Sửa đổi các biện pháp đối với phytoplasma trên cây hoa hồng; - Loại bỏ các biện pháp phòng trừ phytoplasma trên <i>Acrocomia</i>, <i>Hippeastrum</i> và <i>Zantedeschia</i>. Thông tin chi tiết được cung cấp trong đề xuất quản lý rủi ro đính kèm.

45	G/SPS/N/EU/714	CLCB, TY	Liên minh châu Âu	31/01/2024	Động vật thủy sản và một số sản phẩm của chúng	Sửa đổi danh sách các loài động vật thủy sản miễn cảm hoặc truyền bệnh thủy sản đã được liệt kê theo Quy định (EU) 2016/429.
46	G/SPS/N/BRA/2186/ Add.1	BVTV	Bra-xin	31/01/2024	Công nhận tình trạng kiểm dịch thực vật đối với bệnh thối quả có múi (<i>Xanthomonas citri subsp. citri</i>)	SẮC LỆNH SDA/MAPA số 999, ngày 26/01/ 2024 - Công nhận tình trạng kiểm dịch thực vật đối với bệnh thối quả có múi (<i>Xanthomonas citri subsp. citri</i>) ở Bang Alagoas.
47	G/SPS/N/BDI/89, G/SPS/N/KEN/264 G/SPS/N/RWA/82, G/SPS/N/TZA/329 G/SPS/N/UGA/314	BVTV, CT	Burundi	30/01/2024	DEAS 44: 2023, Sản phẩm ngô (ngô) xay - Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản thứ năm	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột ngô nguyên hạt, bột ngô dạng hạt, bột ngô sàng, bột ngô và bột ngô từ hạt ngô thông thường (<i>Zea mays</i> L.) dành cho người tiêu dùng. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các sản phẩm ngô (ngô) xay tăng cường và bột ngô dùng để ủ bia, sản xuất tinh bột và bất kỳ mục đích sử dụng công nghiệp nào khác.
48	G/SPS/N/GBR/52	ATTP, BVTV, TY	Vương quốc Anh	29/01/2024	Các MRL GB mới tiếp nối từ CCPR 53 (2022) sửa đổi Sổ đăng ký theo luật định MRL GB	CXL cho các hoạt chất sau đã được áp dụng cho nhiều loại mặt hàng, được đánh giá là đáp ứng mức độ bảo vệ thích hợp của Vương quốc Anh: Acetamiprid, bixafen, clofentezine, clothianidin, cyprodinil, fenhexamid, fepicoxamid, fenpyroximate, flutianil, isoprothiolane, mandipropamid, methoxyfenozone, pendimethalin, prothioconazol, pyrasulfotole, pyraziflumid, quinoxifen, Spinitoram, spiropidion, thiamethoxam và trinexapac-ethyl. Danh sách đầy đủ các MRL mới hoặc đã nâng cấp có sẵn trên trang 143-151: Codex MRLs: GB Codex MRLs list (hse.gov.uk) Mức dư lượng phát sinh trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi từ các mục đích sử dụng đã thông báo dẫn đến mức phơi nhiễm của người tiêu dùng dưới mức giá trị tham chiếu độc hại và do đó không dự kiến sẽ có tác động có hại đến sức khỏe con người.
49	G/SPS/N/EGY/138	CLCB	Egypt	29/01/2024	Nghị định số 503/2023.	Nghị định số 503/2023 cung cấp cho các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp sáu tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1472 "cá hồi đóng hộp", Tiêu chuẩn này hủy bỏ và thay thế phiên bản cuối cùng ES 1472:2005
50	G/SPS/N/TUR/140	BVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	26/01/2024	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật có thể xác minh bằng mã QR	Gần đây Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (PC) giả và PC để tái xuất khẩu đã bị phát hiện. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và PC tái xuất do Thổ Nhĩ Kỳ cấp sẽ dần được thay thế bằng "Giấy

						<p>chứng nhận kiểm dịch thực vật có thể xác minh bằng mã QR" để đảm bảo an ninh cho PC và PC tái xuất khẩu.</p> <p>PC (bao gồm cả PC tái xuất khẩu) sẽ chứa mã QR ở dạng số 2, cho phép xác minh. Chỉ có nội dung của chứng chỉ sẽ được hiển thị mà không có chữ ký và đóng dấu tươi trong giai đoạn truy vấn bằng mã QR. Giấy chứng nhận gốc gửi đến các quốc gia nhận sản phẩm sẽ được mã hóa QR, ký và đóng dấu tươi.</p> <p>Ngoài ra, cũng có thể xem liệu lô hàng đã rời khỏi Hải quan Thổ Nhĩ Kỳ hay chưa? trong truy vấn PC có thể xác minh bằng mã QR (trừ PC để tái xuất khẩu) chỉ được cấp cho các sản phẩm rau quả tươi.</p> <p>Kể từ ngày 15/02/ 2024, Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (PC) có thể xác minh bằng mã QR sẽ được sử dụng từ tất cả các đơn vị được ủy quyền.</p> <p>Từ ngày 22/01-15/02/2024, các PC không có mã QR và Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật có thể xác minh bằng mã QR sẽ được sử dụng cùng nhau.</p>
51	G/SPS/N/GBR/51	ATTP, BVTV, TY	Vương quốc Anh	26/01/2024	GB dự thảo MRL mới cho azoxystrobin sửa đổi Sổ đăng ký theo luật định GB MRL	<p>Azoxystrobin là một hoạt chất được phê duyệt ở Anh. Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe đã nhận được đơn đăng ký thiết lập MRL mới cho cây cần tây và cây đại hoàng. Sau khi đánh giá, MRL mới đã được đưa ra để phù hợp với việc cấp phép cho các sản phẩm bảo vệ thực vật ở Anh.</p> <p>Danh sách đầy đủ các MRL mới có sẵn trong tài liệu này, xem trang 5: MRL mới (hse.gov.uk)</p> <p>Mức dư lượng phát sinh trong thực phẩm từ việc sử dụng đã thông báo dẫn đến mức phơi nhiễm của người tiêu dùng dưới mức giá trị tham chiếu độc tính và do đó dự kiến sẽ không có tác động có hại đến sức khỏe con người</p>
52	G/SPS/N/TPKM/622	ATTP, BVTV	Đài Loan	24/01/2024	Dự thảo Tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm	Sửa đổi MRL thuốc trừ sâu Acequinocyl, acetamiprid, afidopyropen, ametoctradin, azoxystrobin, boscalid, chlorfenapyr, cyantraniliprole, cyflufenamid, fenazaquin, flonicamid, fluopyram, mefentrifluconazole, metalaxyl, oxathiapiprolin, piperonyl butoxide, pydiflumetofen, pyrethrins, pyribencarb, spinetoram, spiropidion và tebuconazole trong trái cây, rau, đậu khô, hạt ngũ

						cốc, hạt cây, hoa ăn được, hoa bia và trà. Thu hồi MRL thuốc trừ sâu chlorpyrifos, dicofol trong chè và paraquat trong lúa. Sửa đổi thời gian gia hạn đối với các mặt hàng thực phẩm bị thu hồi MRL thuốc trừ sâu. Sửa hoa thanh long và myoga xếp vào nhóm được liệt.
53	G/SPS/N/IDN/148	BVTV, QLCL, TY	Indonesia	24/01/2024	Nghị định của Tổng thống số 45 năm 2023 liên quan đến Cơ quan Kiểm dịch Indonesia	Thực hiện Quy định số 29 của Chính phủ năm 2023 liên quan đến Quy định mới về kiểm dịch động vật, cá và thực vật, Tổng thống Indonesia đã chính thức tuyên bố thành lập Cơ quan Kiểm dịch Indonesia với tư cách là cơ quan cấp Bộ của Chính phủ, thông qua Nghị định của Tổng thống số 45 năm 2023. Với việc thành lập Cơ quan Chính phủ cấp Bộ, Cơ quan Kiểm dịch Indonesia chính thức được tuyên bố là Cơ quan Biên giới có nhiệm vụ và nghĩa vụ đối với động vật và sản phẩm động vật, thủy sản và sản phẩm cá, thực vật và sản phẩm thực vật. Tuyên bố này nhấn mạnh rằng chức năng và thẩm quyền kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật không còn thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp, và chức năng, thẩm quyền kiểm dịch cá không còn thuộc thẩm quyền của Bộ Thủy sản và Biển, vì chức năng này chuyển sang Cơ quan Kiểm dịch Indonesia với tư cách là cơ quan có thẩm quyền chính thức ở biên giới.
54	G/SPS/N/EU/713	ATTP, BVTV, TY	Liên minh châu Âu	24/01/2024	Dự thảo sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với cyproconazole và spirodiclofen trong hoặc trên một số sản phẩm	Dự thảo Quy định được đề xuất liên quan đến việc xem xét và cập nhật các MRL hiện có đối với cyproconazol và spirodiclofen trong một số mặt hàng thực phẩm. MRL của các chất này trong một số mặt hàng nhất định được hạ xuống. MRL của các chất này trong một số mặt hàng nhất định đã thay đổi. MRL thấp hơn được thiết lập sau khi xóa các mục đích sử dụng cũ không còn được phép ở Liên minh Châu Âu vì việc phê duyệt sử dụng hoạt chất này đã hết hạn.
55	G/SPS/N/UGA/313	BVTV	Uganda	23/01/2024	DUS DARS 939: 2023, Ngô làm thức ăn chăn nuôi — Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản đầu tiên.	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, lấy mẫu và phương pháp thử nghiệm đối với hạt ngô của các giống được trồng từ hạt ngô thông thường (<i>Zea mays</i>) dùng để chế biến thức ăn chăn nuôi. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho ngô dùng làm thực phẩm cho con người.

56	G/SPS/N/UGA/312	CN, TY	Uganda	23/01/2024	DUS DARS 1825-1:2023, Cỏ khô làm thức ăn chăn nuôi Phần 1: Rhodes và Cỏ khô tự nhiên - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu và phương pháp thử nghiệm đối với cỏ Rhodes và cỏ tự nhiên dùng làm thức ăn chăn nuôi.
57	G/SPS/N/UGA/311	CN, TY	Uganda	23/01/2024	DUS DARS 1825-2: 2023, Cỏ khô làm thức ăn chăn nuôi Phần 2: Cỏ linh lăng (Lucerne) hay - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu và phương pháp thử nghiệm cỏ linh lăng (linh lăng) dùng làm thức ăn chăn nuôi.
58	G/SPS/N/UGA/309	CN, TY	Uganda	23/01/2024	DUS DARS 1838:2023, Bột cá dùng làm thức ăn chăn nuôi — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột cá được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi hỗn hợp.
59	G/SPS/N/UGA/308	CN, TY	Uganda	23/01/2024	DUS DARS 1844: 2023, Sản phẩm côn trùng khô dùng làm thức ăn chăn nuôi hỗn hợp - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tiêu chuẩn Châu Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các sản phẩm côn trùng khô làm nguồn protein cho thức ăn chăn nuôi hỗn hợp
60	G/SPS/N/TZA/327	BVTV	Tanzania	23/01/2024	DEAS 44:2023, Sản phẩm ngô xay — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ năm.	Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột ngô nguyên hạt, bột ngô dạng hạt, bột ngô sàng, bột ngô và bột ngô từ hạt ngô thông thường (<i>Zea mays</i> L.) dành cho người tiêu dùng.
61	G/SPS/N/TZA/326	BVTV	Tanzania	23/01/2024	DARS 1349:2023, Hạt rau dền – Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản lần thứ nhất.	Tiêu chuẩn Châu Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm các loại hạt rau dền nguyên hạt (<i>Amaranthus hypochondaricus</i> và <i>A. cruentus</i> và bất kỳ giống nào khác được phê duyệt hợp lệ là loài rau dền có hạt) dùng làm thực phẩm cho người.
62	G/SPS/N/TZA/325	BVTV	Tanzania	23/01/2024	DARS 1351-2023, Hạt Teff – Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Tiêu chuẩn Châu Phi này quy định các yêu cầu và phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm hạt teff (<i>Eragrostis teff</i>) dùng làm thực phẩm cho người.
63	G/SPS/N/TZA/324	BVTV	Tanzania	23/01/2024	DARS 1350:2023, Bột Teff — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Tiêu chuẩn Châu Phi này quy định các yêu cầu và phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột teff được chế biến từ hạt teff (<i>Eragrostis teff</i>) bao gồm tất cả các phân loại magna (rất trắng), nech (trắng), quey (nâu) và sergegna (hỗn hợp) dùng cho người. sự tiêu dùng.

2. Danh sách thông báo SPS có hiệu lực

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Tóm tắt nội dung
1	G/SPS/N/GBR/44 /Add.2	BVTV	Vương quốc Anh	19/02/2024	Biện pháp kiểm soát chính thức (Nhập khẩu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có rủi ro cao không có nguồn gốc động vật) (Sửa đổi Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1793) (Anh) Quy định 2024; Quy định sửa đổi về kiểm soát chính thức (Nhập khẩu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có rủi ro cao không có nguồn gốc động vật) (Scotland) năm 2024; Các biện pháp kiểm soát chính thức (Nhập khẩu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có rủi ro cao không có nguồn gốc động vật) (Sửa đổi Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1793) (Wales) Quy định 2024	Thông báo số G/SPS/N/GBR/44 ngày 09/10/2023 dự thảo sửa đổi pháp luật về việc tạm thời gia tăng các biện pháp kiểm soát chính thức áp dụng đối với một số thực phẩm và thức ăn chăn nuôi không có nguồn gốc từ động vật vào Vương quốc Anh từ các quốc gia được liệt kê trong Phụ lục 1 và 2 của Quy định 2019/1793. Quy định giới thiệu những sửa đổi này hiện đã được công bố.
2	G/SPS/N/BRA/2202 /Add.1	BVTV	Bra-xin	19/02/2024	Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu <i>Dianthus</i> spp. vật liệu nhân giống có nguồn gốc bất kỳ	SẮC LỆNH SDA/MAPA Số 1.011, ngày 08/02/2024 - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống từ <i>Dianthus</i> spp. có nguồn gốc bất kỳ
3	G/SPS/N/BRA/2179 /Add.1	BVTV	Bra-xin	19/02/2024	Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt Xà lách rocket (<i>Eruca sativa</i>) có nguồn gốc bất kỳ	SẮC LỆNH SDA/MAPA Số 1.009, ngày 08/02/2024 - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống xà lách rocket (<i>Eruca sativa</i>) có nguồn gốc bất kỳ
4	G/SPS/N/BRA/2178 /Add.1	BVTV	Bra-xin	19/02/2024	Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống hoa păng-xê có nguồn gốc bất kỳ	SẮC LỆNH SDA/MAPA Số 1.012, ngày 08/02/2024 - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống hoa păng-xê có nguồn gốc bất kỳ

5	G/SPS/N/UKR/215 /Add.1	ATTP, BVTV, CLCB, CT, TY	Ucraina	16/02/2024	Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế Ucraina "Về việc sửa đổi các Quy định và Tiêu chuẩn Vệ sinh" Quy định về mức tối đa đối với một số chất gây ô nhiễm trong sản phẩm thực phẩm" đã được phê duyệt theo Lệnh của Bộ Y tế Ucraina số 368 ngày 13/5/2013 và hủy bỏ Lệnh của Bộ Y tế Ucraina số 197 ngày 06/5/2003 và số 811 ngày 11/12/2007"	Ucraina thông báo về việc thông qua dự thảo lệnh của Bộ Y tế Ucraina "Về việc sửa đổi các Quy định về Tiêu chuẩn Vệ sinh và Quy định về mức tối đa đối với một số chất gây ô nhiễm trong sản phẩm thực phẩm" đã được phê duyệt bởi lệnh của Bộ Y tế Ucraina số 368 ngày 13/5/2013 và hủy bỏ lệnh của Bộ Y tế Ucraina số 197 ngày 06/5/2003 và số 811 ngày 11/12/2007" theo lệnh của Bộ Y tế Ucraina số 2113. Lệnh đã được đăng ký tại Bộ Tư pháp Ucraina vào ngày 27/12/2023, được công bố vào ngày 09/02/2024. Lệnh có hiệu lực từ ngày 09/02/2024.
6	G/SPS/N/UGA/173 /Add.2	BVTV	Uganda	13/02/2024	DEAS 286-1:2021, Cắt hoa và cắt lá - Phần 1: Hoa tươi cắt cành - Thông số kỹ thuật, tái bản lần thứ hai	Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho Thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DEAS 286-1:2021, cắt hoa và cắt lá - Phần 1: Hoa tươi cắt cành - Thông số kỹ thuật, ấn bản lần thứ hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/173 và G/SPS/N/UGA/173/Add.1 có hiệu lực vào ngày 01/12/2023. Tiêu chuẩn Uganda EAS 286-1:2022, cắt hoa và cắt lá — Phần 1: Hoa tươi cắt cành - Thông số kỹ thuật, tái bản lần thứ hai, có thể giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/ .
7	G/SPS/N/UGA/172 /Add.2	BVTV	Uganda	13/02/2024	DEAS 332:2021, Ổt tươi - Thông số kỹ thuật, tái bản lần thứ hai	Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho Thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DEAS 332:2021, Ổt tươi - Thông số kỹ thuật, ấn bản lần thứ hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/172 và G/SPS/N/UGA/172 /Add.1 có hiệu lực vào ngày 01/12/2023. Tiêu chuẩn Uganda EAS 332:2022, Ổt tươi - Thông số kỹ thuật, tái bản lần thứ hai, có thể giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/ .
8	G/SPS/N/UGA/171 /Add.2	BVTV	Uganda	13/02/2024	DEAS 47:2021, Đu đủ tươi (pawpaw) - Thông số kỹ thuật, tái bản lần thứ hai	Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho Thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DEAS 47:2021, Đu đủ tươi (pawpaw) - Thông số kỹ thuật, ấn bản lần thứ hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/171 và G/SPS/N/UGA /171/Add.1 có hiệu lực vào ngày 01/12/2023. Tiêu chuẩn Uganda EAS 47:2022, Đu đủ tươi (pawpaw) - Thông số kỹ thuật, tái bản lần thứ hai, có thể được giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/ .
9	G/SPS/N/UGA/170 /Add.2	BVTV	Uganda	13/02/2024	DEAS 56:2021, Nấm tươi – Thông số kỹ thuật, tái bản lần thứ hai	Mục đích của phụ lục này là thông báo cho Thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DEAS 56:2021, Nấm tươi - Thông số kỹ

						thuật, tái bản lần thứ hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/170 và G/SPS/N/UGA/170/ Add.1 có hiệu lực vào ngày 01/12/2023. Tiêu chuẩn Uganda EAS 56:2022, Nấm tươi - Thông số kỹ thuật, tái bản lần thứ hai, có thể giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/ .
10	G/SPS/N/UGA/169/ Add.2	BVTV	Uganda	13/02/2024	DEAS 330:2021, Quả có múi - Thông số kỹ thuật, tái bản lần thứ hai	Mục đích của phụ lục này là thông báo cho Thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DEAS 330:2021, Quả có múi - Thông số kỹ thuật, tái bản lần thứ hai, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/169 và G/SPS/N/UGA/169/ Add.1 có hiệu lực vào ngày 01/12/2023. Tiêu chuẩn Uganda EAS 330:2022, Trái cây có múi - Thông số kỹ thuật, tái bản lần thứ hai, có thể giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/ .
11	G/SPS/N/UGA/167/ Add.2	TY	Uganda	13/02/2024	DUS DEAS 1063:2021, Thịt khô - Thông số kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất	Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho Thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DEAS 1063:2021, Thịt khô - Thông số kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/167 và G/SPS/N/UGA/167 /Add.1 có hiệu lực từ ngày 01/12/2023. Tiêu chuẩn Uganda EAS 1063:2022, Thịt khô - Thông số kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất, có thể giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/ .
12	G/SPS/N/UGA/166/ Add.2	TY	Uganda	13/02/2024	DUS DEAS 84-3:2021, Phân loại thịt và miếng thịt - Thông số kỹ thuật - Phần 3: Thịt lợn, phiên bản lần thứ nhất	Mục đích của phụ lục này là thông báo cho Thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DEAS 84-3:2021, Các loại thịt và miếng thịt - Thông số kỹ thuật - Phần 3: Thịt lợn, phiên bản lần thứ nhất, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/166 và G/SPS/N/UGA/166/Add.1 có hiệu lực vào ngày 01/12/2023. Tiêu chuẩn Uganda EAS 84-3:2022, Các loại thịt và miếng thịt - Thông số kỹ thuật - Phần 3: Thịt lợn, phiên bản lần thứ nhất, có thể giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/
13	G/SPS/N/UGA/165/ Add.2	TY	Uganda	13/02/2024	DUS DEAS 84-2:2021, Các loại thịt và miếng thịt - Thông số kỹ thuật - Phần 2: Thịt cừu, phiên bản lần thứ nhất	Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho các thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DEAS 84-2:2021, Các loại thịt và miếng thịt - Thông số kỹ thuật - Phần 2: Thịt cừu, ấn bản lần thứ nhất, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/165 và G/SPS/N/UGA/165/Add.1 có hiệu lực vào ngày 1 tháng 12 năm 2023. Tiêu chuẩn Uganda EAS 84-2:2022 của Hoa Kỳ, Các loại thịt và miếng thịt - Thông số kỹ thuật - Phần 2: Thịt cừu, phiên bản

						đầu tiên, có thể giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/ .
14	G/SPS/N/UGA/153 /Add.2	CT	Uganda	13/02/2024	DUS DEAS 741:2021, Bột mì tổng hợp từ sản - thông số kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất	Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho Thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DEAS 741:2021, Bột mì tổng hợp từ sản - Thông số kỹ thuật, ấn bản lần thứ nhất, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/153 và G/SPS/N/UGA /153/Add.1 có hiệu lực vào ngày 01/12/2023. Tiêu chuẩn Uganda EAS 741:2022, Bột mì tổng hợp từ sản - thông số kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất, có thể giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/ .
15	G/SPS/N/UGA/152 /Add.2	BVTV	Uganda	13/02/2024	DUS DEAS 1041:2021, Lá sắn khô - Đặc điểm kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất	Mục đích của phụ lục này là để thông báo Thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DUS DEAS 1041:2021, Lá sắn khô - Đặc điểm kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/152 và G/SPS/N/UGA/ 152/Add.1 có hiệu lực vào ngày 01/12/2023. Tiêu chuẩn Uganda EAS 1041:2022, Lá sắn khô - Đặc điểm kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất, có thể giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/ .
16	G/SPS/N/UGA/151 /Add.2	BVTV	Uganda	13/02/2024	DUS DEAS 1040, Sắn viên - Đặc điểm kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất	Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho Thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DEAS 1040, Viên sắn - Đặc điểm kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất, được thông báo trong G/SPS/N/UGA/151 và G/SPS/N/UGA/151/Add .1 có hiệu lực vào ngày 01/12/2023. Tiêu chuẩn Uganda EAS 1040:2022, Viên sắn - Đặc điểm kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất, có thể giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/ .
17	G/SPS/N/UGA/149 /Add.2	BVTV	Uganda	13/02/2024	DUS DEAS 742, Tinh bột sắn cấp thực phẩm - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản lần thứ nhất	Mục đích của phụ lục này là để thông báo cho Thành viên WTO dự thảo tiêu chuẩn Uganda DEAS 742, Tinh bột sắn cấp thực phẩm - đặc điểm kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất; được thông báo trong G/SPS/N/UGA/149 và G/SPS/N/UGA/149/Add.1 có hiệu lực vào ngày 1 tháng 12 năm 2023. Tiêu chuẩn Uganda US EAS 742:2022, Tinh bột sắn cấp thực phẩm - đặc điểm kỹ thuật, phiên bản lần thứ nhất, có thể giao dịch trực tuyến qua liên kết: https://webstore.unbs.go.ug/ .

18	G/SPS/N/EU/654 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Liên minh châu Âu	08/02/2024	Mức dư lượng tối đa đối với desmedipham, etridia zole, flurtamone, profoxydim, difenacoum và thuốc tím trong hoặc trên một số sản phẩm	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/654 (ngày 07/7/2023) đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2024/345 ngày 22/01/2024 sửa đổi Phụ lục II, III và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa (MRL) đối với desmedipham, etridiazole, flurtamone, profoxydim, difenacoum và thuốc tím trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định. Quy định áp dụng từ ngày 12/8/2024.
19	G/SPS/N/EU/653 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Liên minh châu Âu	08/02/2024	Mức dư lượng tối đa đối với indoxacarb trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/653 (ngày 07/7/2023) được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2024/376 ngày 24/01/2024 sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng về mức dư lượng tối đa (MRL) đối với indoxacarb trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định. Quy định áp dụng từ ngày 14/8/2024.
20	G/SPS/N/EU/652 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Liên minh châu Âu	08/02/2024	Mức dư lượng tối đa đối với haloxyfop trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/652 (ngày 06/7/2023) được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2024/398 ngày 29/01/2024 sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng về mức dư lượng tối đa (MRL) đối với haloxyfop trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định. Quy định áp dụng từ ngày 19/8/2024.
21	G/SPS/N/EU/649 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Liên minh châu Âu	08/02/2024	Mức dư lượng tối đa đối với diethofencarb, fenoxycarb, flutriafol và pencycur trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/649 (ngày 29/6/2023) được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2024/341 ngày 22/01/2024 sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa (MRL) đối với diethofencarb, fenoxycarb, flutriafol và pencycuroc trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định. Quy định áp dụng từ ngày 12/8/2024.
22	G/SPS/N/EU/648 /Add.1	ATTP, TY	Liên minh châu Âu	08/02/2024	Phân loại chất rafoxanide liên quan đến giới hạn dư lượng tối đa trong thực phẩm có nguồn gốc động vật	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/648 (ngày 28/6/2023) được thông qua bởi Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/2203 ngày 20/10/2023 sửa đổi Quy định (EU) số 37/2010 liên quan đến việc phân loại chất rafoxanide liên quan đến giới hạn dư lượng tối đa trong thực phẩm có nguồn gốc động vật. Quy định áp dụng từ ngày 09/11/2023.

23	G/SPS/N/EU/647 /Add.1	ATTP, TY	Liên minh châu Âu	08/02/2024	Phân loại chất ketoprofen theo giới hạn dư lượng tối đa trong thực phẩm có nguồn gốc động vật	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/647 (ngày 28/6/2023) được thông qua bởi Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/2194 ngày 19/10/2023 sửa đổi Quy định (EU) số 37/2010 liên quan đến việc phân loại chất ketoprofen liên quan đến giới hạn dư lượng tối đa của nó trong thực phẩm có nguồn gốc động vật. Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 09/11/2023.
24	G/SPS/N/EU/646 /Add.1	ATTP, BVTV TY	Liên minh châu Âu	08/02/2024	Mức dư lượng tối đa đối với oxamyl trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/646 (ngày 28/6/2023) được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2024/331 ngày 19/01/2024 sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với oxamyl trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định. Quy định áp dụng từ ngày 11/5/2024
25	G/SPS/N/EU/642 /Add.1	ATTP, BVTV TY	Liên minh châu Âu	06/02/2024	Mức dư lượng tối đa (MRL) đối với (Z)-13-hexadecen-11-yn-1-yl axetat, (Z,Z,Z,Z)-7,13,16,19-docosatetraen-1-yl isobutyrate, acrinathrin, azimsulfuron, famoxadone, prochloraz và natri hypochlorite trong hoặc trên một số sản phẩm	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/642 (ngày 13/6/2023) được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2024/352 ngày 22/01/2024 sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với (Z)-13-hexadecen-11-yn-1-yl acetate, (Z,Z,Z,Z)-7,13,16,19-docosatetraen-1-yl isobutyrate, acrinathrin, azimsulfuron, famoxadone, prochloraz và natri hypochlorite trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định. Quy định áp dụng từ ngày 12/8/2024.
26	G/SPS/N/CHL/769 /Add.1	BVTV	Chile	05/02/2024	Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với hạt điều (<i>Anacardium occidentale</i>) được sản xuất từ mọi nguồn gốc	Chile thông báo Nghị quyết miễn trừ số 5934/2024 "Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với hạt điều (<i>Anacardium occidentale</i>) được sản xuất từ mọi nguồn gốc" đã được công bố trên Công báo nhà nước vào ngày 01/02/2024, có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày thông báo.
27	G/SPS/N/UKR/212 /Add.1	ATTP, BVTV, CT, CLCB, TY	Ucraina	02/02/2024	Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đặc biệt đối với vật liệu nhựa và các sản phẩm dùng để tiếp xúc với thực phẩm"	Ucraina thông báo về việc thông qua Lệnh của Bộ Y tế Ucraina số 2104 "Về phê duyệt các yêu cầu đặc biệt đối với vật liệu nhựa và các vật dụng tiếp xúc với thực phẩm" ngày 11/12/2023. Lệnh đã được đăng ký với Bộ Tư pháp Ucraina vào ngày 27/12/2023 và sẽ có hiệu lực vào ngày 19/11/2025 - đồng thời với việc Luật Ucraina số 2718-IX "Về tài liệu và vật phẩm dự định tiếp xúc" có hiệu lực với thực phẩm" ngày 03/11/2022 (tài liệu G/SPS/N/UKR/150/Rev.1/Add.1).

						Lệnh quy định các sản phẩm làm bằng vật liệu nhựa và các vật dụng tiếp xúc với thực phẩm, được sản xuất trước khi Lệnh này có hiệu lực, có thể được lưu hành cho đến khi hết hạn sử dụng.
28	G/SPS/N/CAN/1244 /Add.20	CN, TY	Canada	01/02/2024	Lệnh áp đặt điều kiện vùng kiểm soát cấp 2 liên quan đến dịch tả lợn châu Phi	<p>Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) đã thực hiện các yêu cầu nhập khẩu mới đối với các thành phần thức ăn chăn nuôi chọn lọc được nhập khẩu từ các quốc gia được xác định là có mối lo ngại tiềm tàng liên quan đến Dịch tả lợn Châu Phi (ASF). Các sản phẩm được xác định sẽ phải có giấy phép nhập khẩu trước khi nhập khẩu từ các quốc gia được chỉ định và phải đáp ứng các điều kiện trong trình tự thực hiện cũng như giấy phép nhập khẩu. Những điều kiện này có thể bao gồm chứng nhận xuất xứ, xử lý nhiệt và/hoặc thời gian lưu giữ (tùy thuộc vào sản phẩm được đề cập) được thiết kế để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm vi-rút dịch tả lợn châu Phi cho các sản phẩm này.</p> <p>Canada đã sửa đổi danh sách các khu vực hoặc quốc gia có thể bị ảnh hưởng bởi biện pháp này để bổ sung Montenegro và Bangladesh. Danh sách cụ thể: Bangladesh; Bénin; Bosnia và Herzegovina; Bulgaria*; Burkina Faso; Burundi; Cabo Verde; Campuchia; Ca-mơ-run; Cộng hòa trung phi; Tchad; Trung Quốc; Công-gô; Côte d'Ivoire; Croatia; Cộng hòa Séc*; Cộng hòa Dominica; Estonia*; Gambia; Đức*; Ghana; Hy Lạp*; Guiné-Bissau; Haiti; Hồng Kông, Trung Quốc; Hungary*; Ấn Độ; Indonesia; Ý*; Kenya; Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào; Lát-vi-a*; Litva*; Madagascar; Malawi; Malaysia; Cộng hòa Moldova; Mông Cổ; Montenegro; Mozambique; Myanma; Namibia; Nê-pan; Nigeria; Pa-pu-a Niu Ghi-nê; Philippin; Ba Lan*; Hàn Quốc; Cộng hòa Bắc Macedonia; Ru-ma-ni*; Liên bang Nga; Rwanda; Sénégal; Serbia; Sierra Leone; Singapore; Slovakia*; Nam Phi; Thụy Điển*; Tanzania; Nước Thái Lan; Đì; Ucraina; Việt Nam; Zambia; Zimbabwe</p>
29	G/SPS/N/NZL/742 /Add.1	BVTV	Niu Di-lân	31/01/2024	Ban hành tiêu chuẩn y tế nhập khẩu sửa đổi đối với quả chôm chôm tươi dùng cho người	Phụ lục này liên quan đến việc sửa đổi Tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu đã được thông báo trước đó đối với quả chôm chôm tươi dùng cho người.

						Việc sửa đổi các tiêu chuẩn y tế nhập khẩu này đã được thông báo trong G/SPS/N/NZL/742 ngày 19/9/2023 với dự kiến ngày thông qua, công bố và có hiệu lực là ngày 03/12/2023. Ngày mới áp dụng, công bố và có hiệu lực chính thức từ ngày 29/01/2024.
30	G/SPS/N/NZL/741 /Add.1	BVTV	Niu Di-lân	31/01/2024	Ban hành tiêu chuẩn y tế nhập khẩu sửa đổi đối với gừng tươi (<i>Zingiber officinale</i> và <i>Z. zerumbet</i>) dùng cho người	Phụ lục này liên quan đến việc sửa đổi Tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu đã được thông báo trước đó đối với gừng tươi (<i>Zingiber officinale</i> và <i>Z. zerumbet</i>) dùng cho người. Việc sửa đổi các tiêu chuẩn y tế nhập khẩu này đã được thông báo trong G/SPS/N/NZL/741 ngày 19/9/2023 với dự kiến ngày thông qua, công bố và có hiệu lực là ngày 03/12/2023. Ngày mới áp dụng, công bố và có hiệu lực chính thức từ ngày 29/01/2024.
31	G/SPS/N/NZL/740 /Add.1	BVTV	Niu Di-lân	31/01/2024	Ban hành tiêu chuẩn y tế nhập khẩu sửa đổi 152.02: Nhập khẩu và thông quan rau quả tươi vào Niu Di-lân	Phụ lục này liên quan đến việc sửa đổi Tiêu chuẩn Y tế nhập khẩu 152.02 đã được thông báo trước đó: Nhập khẩu và thông quan rau quả tươi vào Niu Di-lân. Việc sửa đổi các tiêu chuẩn y tế nhập khẩu này đã được thông báo trong G/SPS/N/NZL/740 ngày 19/9/2023 với dự kiến ngày thông qua, công bố và có hiệu lực là ngày 03/12/2023. Ngày mới áp dụng, công bố và có hiệu lực chính thức từ ngày 29/01/2024
32	G/SPS/N/JPN/1214 /Add.1	ATTP	Nhật Bản	31/01/2024	Sửa đổi các Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn đối với Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm,... theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (quy tắc cuối cùng)	Bản sửa đổi các tiêu chuẩn hiện có đối với L-Cysteine monohydrochloride được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1214 (ngày 07/8/2023) được thông qua và công bố vào ngày 07/11/2023.
33	G/SPS/N/JPN/1210 /Add.1	ATTP	Nhật Bản	31/01/2024	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm,... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Tên gọi đề xuất của các chất được sử dụng làm thành phần của hóa chất nông nghiệp và các chất hóa học khác được quy định là "Chất trong thực phẩm không gây ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến sức khỏe" đối với Oxit kẽm được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1210 (ngày 31/5/2023) được thông qua và công bố vào ngày 07/11/2023.
34	G/SPS/N/JPN/1209 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	31/01/2024	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm,... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho sethoxydim được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1209 (ngày 31/5/2023) được thông qua và công bố vào ngày 07/11/2023.

35	G/SPS/N/JPN/1208 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	31/01/2024	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm,... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với pyribencarb được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1208 (ngày 31/5/2023) được thông qua và công bố vào ngày 07/11/2023.
36	G/SPS/N/JPN/1207 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	31/01/2024	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm,... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho picarbutrazox được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1207 (ngày 31/5/2023) được thông qua và công bố vào ngày 07/11/2023.
37	G/SPS/N/JPN/1206 /Add.1	ATTP, BVTV, QLCL	Nhật Bản	31/01/2024	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm,... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất đối với inpyrfluxam được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1206 (ngày 31/5/2023) được thông qua và công bố vào ngày 07/11/2023.
38	G/SPS/N/JPN/1205 /Add.1	ATTP, BVTV, QLCL, TY	Nhật Bản	31/01/2024	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm,... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với flutolanil được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1205 (ngày 31/5/2023) được thông qua và công bố vào ngày 07/11/2023.
39	G/SPS/N/JPN/1204 /Add.1	ATTP, BVTV, TY	Nhật Bản	31/01/2024	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm,... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Bifenthrin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1204 (ngày 31/5/2023) được thông qua và công bố vào ngày 07/11/2023.
40	G/SPS/N/JPN/1186 /Add.1	ATTP, BVTV, CT, QLCL, TY	Nhật Bản	31/01/2024	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm,... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi thông số kỹ thuật đối với nước khoáng, quy tắc cuối cùng)	Bản sửa đổi các thông số kỹ thuật đối với nước khoáng được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1186 (ngày 13/4/2023) được thông qua và công bố vào ngày 18/10/2023.
41	G/SPS/N/BRA/2193 /Add.1	BVTV	Bra-xin	31/01/2024	Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt đu đủ có nguồn gốc bất kỳ	SẮC LỆNH SDA/MAPA số 996, ngày 25/01/2024 - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt đu đủ (<i>Carica papaya</i>) có nguồn gốc bất kỳ

42	G/SPS/N/THA/662 /Add.1	ATTP	Thái Lan	24/01/2024	Bộ Y tế Công cộng (MOPH) Thông báo số 448 có tựa đề "Thực phẩm bổ sung (Số 5)"	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng "Thực phẩm bổ sung (Số 5)", được thông báo trước đó trong G/SPS/N/THA/662 ngày 20/6/2023, đã được đăng trên Công báo Hoàng gia ngày 04/01/2024 theo Thông báo của Bộ của Y tế Công cộng số 448. Ngày có hiệu lực: 02/7/2024
43	G/SPS/N/UKR/207 /Add.1	TY	Ucraina	23/01/2024	Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu Thực hành tốt về phân phối hoạt chất được sử dụng trong các sản phẩm thuốc thú y"	Ucraina thông báo việc thông qua Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina số 1843 "Về việc phê duyệt các yêu cầu về Thực hành tốt để phân phối các hoạt chất được sử dụng trong các sản phẩm thuốc thú y" ngày 20/10/2023. Lệnh đã được đăng ký tại Bộ Tư pháp Ucraina vào ngày 14/12/2023, được công bố và có hiệu lực vào ngày 16/01/2024. Lệnh sẽ được ban hành đồng thời với Luật "Về thú y" số 1206-IX của Ucraina ngày 04/02/2021 (được ban hành một năm sau khi chấm dứt hoặc hủy bỏ tình trạng thiết quân luật).
44	G/SPS/N/TUR/119 /Add.4	BVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	23/01/2024	Các biện pháp kiểm dịch thực vật khẩn cấp đối với việc nhập khẩu hạt cà chua và bí	Thông báo SPS số G/SPS/N/TUR/119/Add.3 về việc nhập khẩu hạt cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i>) và hạt bí (<i>Cucurbita pepo</i>) từ tất cả các nước: - Đối với hạt cà chua: Trường hợp không xác định được nơi sản xuất hạt thu hoạch trước ngày 31/12/2023; nếu hạt giống được nước xuất khẩu phát hiện không chứa Tomato Planta Macho Viroid (TPMVD) thông qua phân tích bằng phương pháp phản ứng chuỗi polymerase thời gian thực (RTqPCR), Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ bao gồm: (1) "Hạt giống được phân tích bằng phương pháp RTqPCR theo TPMVD và được phát hiện là tự do."; (2) "Hạt giống sản xuất trước ngày 31/12/2023." - Đối với hạt bí: Trường hợp không xác định được nơi sản xuất hạt thu hoạch trước ngày 31/12/2023; nếu hạt giống được nước xuất khẩu phát hiện không có Virus gây bệnh xoắn lá cà chua (ToLCNDV) thông qua phân tích bằng phương pháp Phản ứng chuỗi polymerase thời gian thực (RTqPCR), Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ bao gồm: (1) "Hạt giống được phân tích bằng phương pháp RTqPCR theo ToLCNDV và được phát hiện miễn phí."; (2) "Hạt giống sản xuất trước ngày 31/12/2023.".

						<p>Theo đó, các điều kiện nhập khẩu được mô tả ở trên sẽ chỉ có hiệu lực đến ngày 31/3/2024 đối với hạt cà chua và bí được sản xuất trước ngày 31/12/2023, với điều kiện là các yêu cầu trong thông báo SPS G/SPS/N/TUR/119/Add.3 và G/Đáp ứng SPS/N/TUR/119/Add.3/Corr.1.</p> <p>Kể từ ngày 01/4/2024, thực hiện theo quy định trong thông báo SPS số G/SPS/N/TUR/119/Add.3 và G/SPS/N/TUR/119/Add.3/Corr.1.</p>
45	G/SPS/N/TPKM/615/ Add.1	BVTV, TY	Đài Loan	23/01/2024	Dự thảo tiêu chuẩn về thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa	Đài Loan thông báo rằng Dự thảo Tiêu chuẩn về thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa, ngày 08/6/2023 (G/SPS/N/TPKM/615) được hoàn thiện. Phiên bản cuối cùng của tiêu chuẩn đã có hiệu lực từ ngày 19/01/2024.
46	G/SPS/N/THA/585/ Add.1	ATTP	Thái Lan	23/01/2024	Thông báo số 447 của Bộ Y tế Công cộng (MOPH) có tựa đề "Công bố về sức khỏe trong thực phẩm"	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng "Công bố về Sức khỏe trong Thực phẩm", được thông báo trước đây trong G/SPS/N/THA/585 ngày 18/10/2022, đã được đăng trên Công báo Hoàng gia ngày 04/01/2024 dưới dạng Thông báo của Bộ Y tế Công cộng số 447. Ngày có hiệu lực: 02/7/2024
47	G/SPS/N/THA/155/Rev.2/ Add.3	ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT	Thái Lan	23/01/2024	Thông báo số 446 của Bộ Y tế Công cộng (MOPH) có tựa đề "Các sản phẩm thực phẩm bắt buộc phải ghi nhãn dinh dưỡng và hướng dẫn về số lượng hàng ngày, ghi nhãn GDA (số 2)"	Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng "Các sản phẩm thực phẩm bắt buộc phải ghi nhãn dinh dưỡng và hướng dẫn về số lượng hàng ngày, ghi nhãn GDA (số 2)", đã được thông báo trước đó trong G/SPS/N/THA/155/Rev.2/ Add.2 ngày 16/5/2023, được đăng trên Công báo Hoàng gia ngày 04/01/2024 theo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng số 446. Ngày có hiệu lực: 02/7/2024

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn hoặc <https://docs.wto.org/>

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế, Vụ KHCN - Bộ CT); BVTV: Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, chế biến; CN: Chăn nuôi; CT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương; TY: Thú y. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý đề góp ý và triển khai thực hiện.